

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kì báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	04-05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	06-07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	08-09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10-38

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SCI (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ kế toán và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên	
Ông Đoàn Thế Anh	Thành viên	
Ông Ngô Vũ An	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 10/04/2025)
Ông Nguyễn Anh Huy	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 10/04/2025)
Ông Kim Mạnh Hà	Thành viên	
Ông Hoàng Trọng Minh	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Phúc	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Độ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ An Minh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc



Nguyễn Công Hùng
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		818,494,600,541	752,148,428,173
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	39,652,143,224	10,072,179,237
1. Tiền	111		39,652,143,224	10,072,179,237
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	90,256,772	113,463,922
1. Chứng khoán kinh doanh	121		499,175,581	499,175,581
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(408,918,809)	(385,711,659)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		777,204,737,172	740,636,690,210
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	567,418,605,541	488,601,815,197
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	188,964,353,479	231,839,532,929
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	20,821,778,152	20,195,342,084
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,547,463,373	1,326,094,804
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	122,387,618	68,775,051
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,399,101,453	1,257,319,753
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	25,974,302	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,369,659,951,085	1,371,079,573,323
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		220,000,000	220,000,000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	220,000,000	220,000,000
II. Tài sản cố định	220		26,619,917	44,617,421
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	23,494,996	35,242,498
- Nguyên giá	222		28,273,069,982	28,273,069,982
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28,249,574,986)	(28,237,827,484)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	3,124,921	9,374,923
- Nguyên giá	228		342,500,000	342,500,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(339,375,079)	(333,125,077)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	10	8,681,721,795	8,618,427,695
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		8,681,721,795	8,618,427,695
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	1,360,729,566,278	1,362,180,859,722
1. Đầu tư vào công ty con	251		1,393,024,081,099	1,392,424,081,099
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30,550,000,000	30,550,000,000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(62,844,514,821)	(60,793,221,377)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2,043,095	15,668,485
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	2,043,095	15,668,485
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2,188,154,551,626	2,123,228,001,496

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		934,757,432,689	889,302,543,220
I. Nợ ngắn hạn	310		700,027,509,142	848,971,145,960
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	474,347,888,048	587,997,945,638
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	206,466,879,651	247,372,308,721
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	14,820,123	598,880,708
4. Phải trả người lao động	314		303,359,969	1,052,349,667
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	12,871,724,211	5,926,824,086
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		6,022,837,140	6,022,837,140
II. Nợ dài hạn	330		234,729,923,547	40,331,397,260
1. Phải trả người bán dài hạn	331	14	193,208,389,301	-
2. Chi phí phải trả dài hạn	333		1,521,534,246	331,397,260
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	40,000,000,000	40,000,000,000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,253,397,118,937	1,233,925,458,276
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	1,253,397,118,937	1,233,925,458,276
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		991,343,310,000	991,343,310,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		659,066,000	659,066,000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		8,192,087,059	8,192,087,059
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		253,202,655,878	233,730,995,217
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm	421a		233,730,995,217	178,352,687,508
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		19,471,660,661	55,378,307,709
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2,188,154,551,626	2,123,228,001,496


Lê Thị Nhung
Người lập

Phan Dương Mạnh
Kế toán trưởngNguyễn Công Hùng
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Cho kì báo cáo từ ngày		Cho kỳ kế toán từ ngày	
				Quý II/2025	VND	Quý II/2024	VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	307,789,895,878	550,382,317,999	217,002,156,859	467,322,249,622
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		307,789,895,878	550,382,317,999	217,002,156,859	467,322,249,622
	(10=01-02)						
4.	Giá vốn hàng bán	11	22	306,684,515,355	526,429,348,137	202,265,252,914	431,935,861,167
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1,105,380,523	23,952,969,862	14,736,903,945	35,386,388,455
	(20=10-11)						
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	13,742,971,783	15,065,159,659	13,743,278,684	62,199,950,711
7.	Chi phí tài chính	22	24	(3,888,382,222)	11,016,487,870	(2,564,954,387)	23,608,412,302
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		598,356,164	1,190,136,986	-	88,767,123
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	2,726,390,738	5,460,630,506	3,346,827,783	6,674,078,859
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16,010,343,790	22,541,011,145	27,698,309,233	67,303,848,005
	(30=20+(21-22)-(25+26))						
11.	Thu nhập khác	31	26	4,099,791,013	9,719,239,475	3,108,494,867	7,283,580,095
12.	Chi phí khác	32	27	4,171,827,013	9,912,925,474	5,039,727,360	9,286,815,558
13.	Lợi nhuận khác	40		(72,036,000)	(193,685,999)	(1,931,232,493)	(2,003,235,463)
	(40=31-32)						

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho kì báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	15,938,307,790	22,347,325,146	25,767,076,740	65,300,612,542
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	2,875,664,485	3,255,970,718	3,927,793,690
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		19,471,660,661	22,511,106,022	61,372,818,852







Lê Thị Nhung
Người lập

Phan Dươg Mạnh
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kì báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho kì báo cáo từ	Cho kỳ kế toán từ
			ngày 01/01/2025	ngày 01/01/2024
			đến ngày 30/06/2025	đến ngày 30/06/2024
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22,347,325,146	65,300,612,542
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		17,997,504	6,250,002
- Các khoản dự phòng	03		2,074,500,594	19,184,197,238
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		5,944,435,618	(16,821,600,057)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2,155,690,800)	(39,875,965,664)
- Chi phí lãi vay	06		1,190,136,986	88,767,123
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		29,418,705,048	27,882,261,184
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(42,703,118,837)	(10,778,611,245)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		44,923,868,420	11,311,405,350
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(39,987,177)	315,759,569
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	(22,010,891,990)
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(88,767,123)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3,500,000,000)	(20,702,144,687)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		28,099,467,454	(14,070,988,942)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(63,294,100)	(46,990,000)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(600,000,000)	(228,900,000,000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	71,600,000,000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,155,690,800	39,875,965,664
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1,492,396,700	(117,471,024,336)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(22,500,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(22,500,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ kế toán (50=20+30+40)	50		29,591,864,154	(154,042,013,278)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kì báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho kì báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 VND
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ kế toán	60		10,072,179,237	171,355,331,054
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(11,900,167)	26,383,025
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ kế toán (70=50+60+61)	70	5	39,652,143,224	17,339,700,801



Lê Thị Nhung
Người lập



Phan Dương Mạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Công Hùng
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SCI (tiền thân là Công ty Cổ phần Sông Đà 909) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ hai mươi một ngày 10 tháng 09 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 991.343.310.000 đồng, vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 991.343.310.000 đồng; tương đương 99.134.331 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ cho thuê máy móc xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, bán điện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng khác: Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thủy điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực.

2 . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ /hoặc chưa được loại trừ toàn bộ.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ kế toán:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Phần mềm máy vi tính

Nguyên giá TSCĐ của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng và dựa trên thời gian sử dụng hữu ích.

Bằng sáng chế và thương hiệu

Bằng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ kế toán khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ kế toán, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn, chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm Khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ kế toán không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	978,396,523	1,249,136,197
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	38,673,746,701	8,823,043,040
	<u>39,652,143,224</u>	<u>10,072,179,237</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho kì báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị cổ phiếu	499,175,581	90,599,450	(408,918,809)	499,175,581	113,535,300	(385,711,659)
SDA	564,300	184,800	(379,500)	564,300	316,800	(247,500)
CYC	209,189,174	49,045,000	(160,144,174)	209,189,174	72,125,000	(137,064,174)
EIB	1,395,422	1,736,600	-	1,395,422	1,466,800	-
Cổ phiếu khác	288,026,685	39,633,050	(248,395,135)	288,026,685	39,626,700	(248,399,985)
	499,175,581	90,599,450	(408,918,809)	499,175,581	113,535,300	(385,711,659)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho kì báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý(*) VND	Dự phòng VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	1,393,024,081,099		(62,844,514,821)	
Công ty Cổ phần SCI E&C	124,841,371,099		-	(60,793,221,377)
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	6,500,000,000		-	-
Công ty TNHH SCI Năng Lượng	1,261,682,710,000		(62,844,514,821)	(60,793,221,377)
Đầu tư vào đơn vị khác	30,550,000,000		-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	550,000,000		-	-
Công ty Cổ phần hạ tầng và phát triển đô thị Fecon	30,000,000,000		-	-
	1,423,574,081,099	-	(62,844,514,821)	(60,793,221,377)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho kì báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2025 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần SCI E&C	Hà Nội	51.00%	51.00%	Chế tạo, lắp đặt cơ khí, xây dựng công trình và hạ tầng
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Hà Nội	65.00%	65.00%	Tư vấn thiết kế
Công ty TNHH SCI Năng Lượng	Quảng Trị	100.00%	100.00%	Đầu tư dự án năng lượng

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ kế toán: xem chi tiết tại Thuyết minh số 32.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kì báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần SCI Quảng Trị	37,605,750	-
Nam Sam 3A Power Sole Company Limited	117,122,559,988	-
Nam Mo 1 Hydropower Company Limited	38,698,916,900	-
Nam Sam 3 Power Company Limited	195,249,157,103	158,340,844,312
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	1,120,564,000	1,120,564,000
Nam Mo 2 Hydropower Company Limited	212,087,175,835	325,837,780,920
Các khoản phải thu khách hàng khác	3,102,625,965	3,302,625,965
	567,418,605,541	488,601,815,197

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần SCI E&C	188,806,577,858	-	231,612,474,622	-
Các nhà cung cấp khác	157,775,621	-	227,058,307	-
	188,964,353,479	-	231,839,532,929	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

9 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Tạm ứng	1,321,835,970	-	812,840,210	-
Ký cược, ký quỹ	12,000,000	-	12,000,000	-
Phải thu khác	19,487,942,182	-	19,370,501,874	-
	20,821,778,152	-	20,195,342,084	-
b) Phải thu dài hạn khác				
Ký cược, ký quỹ	220,000,000	-	220,000,000	-
	220,000,000	-	220,000,000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

10 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	8,681,721,795	8,618,427,695
Đường dây truyền tải điện Lào- Việt Nam	420,000,000	420,000,000
Dự án Điện gió Hướng Việt Quảng Trị	2,394,562,290	2,394,562,290
Dự án Điện gió Tân Thành	4,465,924,505	4,402,630,405
Dự án Thủy điện Nậm Khian 1	509,540,000	509,540,000
Dự án Thủy điện Nậm Khian 2	891,695,000	891,695,000
	8,681,721,795	8,618,427,695

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2025	19,023,723,281	9,105,179,428	144,167,273	28,273,069,982
Tại ngày 30/06/2025	19,023,723,281	9,105,179,428	144,167,273	28,273,069,982
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2025	19,023,723,281	9,105,179,428	108,924,775	28,237,827,484
Trích khấu hao	-	-	11,747,502	11,747,502
Tại ngày 30/06/2025	19,023,723,281	9,105,179,428	120,672,277	28,249,574,986
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2025	-	-	35,242,498	35,242,498
Tại ngày 30/06/2025	-	-	23,494,996	23,494,996

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 28.226.079.982 VNĐ

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Nhãn hiệu, thương hiệu	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2025	250,000,000	92,500,000	342,500,000
Tại ngày 30/06/2025	250,000,000	92,500,000	342,500,000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2025	240,625,077	92,500,000	333,125,077
Trích khấu hao	6,250,002	-	6,250,002
Tại ngày 30/06/2025	246,875,079	92,500,000	339,375,079
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2025	9,374,923	-	9,374,923
Tại ngày 30/06/2025	3,124,921	-	3,124,921

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kì báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	122,387,618	68,775,051
	<u>122,387,618</u>	<u>68,775,051</u>
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2,043,095	15,668,485
	<u>2,043,095</u>	<u>15,668,485</u>

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**a) Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP SCI E&C	403,658,885,303	403,658,885,303	568,114,457,879	568,114,457,879
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thành Vinh	651,217,738	651,217,738	851,217,738	851,217,738
Công ty CP Tư Vấn SCI	64,760,486,186	64,760,486,186	15,492,420,005	15,492,420,005
Các khoản phải trả khác	5,277,298,821	5,277,298,821	3,539,850,016	3,539,850,016
	<u>474,347,888,048</u>	<u>474,347,888,048</u>	<u>587,997,945,638</u>	<u>587,997,945,638</u>

b) Phải trả người bán dài hạn

Công ty CP SCI E&C	193,208,389,301	193,208,389,301	-	-
	<u>193,208,389,301</u>	<u>193,208,389,301</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Nam Sam 3A Power Sole Company Limited	73,351,813,500	79,347,240,000
Nam Mo 1 Hydropower Sole Co., Ltd	92,224,658,412	94,202,721,842
Nam Mo 2 Hydropower Company Limited	40,890,407,739	73,822,346,879
	<u>206,466,879,651</u>	<u>247,372,308,721</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho kì báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ kế toán	Số phải nộp đầu kỳ kế toán	Số phải nộp trong kỳ kế toán	Số đã thực nộp trong kỳ kế toán	Số phải thu cuối kỳ kế toán	Số phải nộp cuối kỳ kế toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	598,361,213	2,875,664,485	3,500,000,000	25,974,302	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	519,495	404,266,742	389,966,114	-	14,820,123
	-	598,880,708	3,279,931,227	3,889,966,114	25,974,302	14,820,123

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	220,570,176	208,522,176
Bảo hiểm xã hội	56,159,232	-
Thù lao Hội đồng quản trị	67,297,450	67,537,450
Công ty CP SCI E&C	8,816,516,910	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3,711,180,443	5,650,764,460
	12,871,724,211	5,926,824,086
b) Phải trả dài hạn khác		
Phải trả lãi vay	1,521,534,246	331,397,260

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho kì báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

18 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	01/01/2025		Trong kỳ kế toán		30/06/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay cá nhân Nguyễn Công Chiến (**)	40,000,000,000	40,000,000,000	-	-	40,000,000,000	40,000,000,000
	40,000,000,000	40,000,000,000	-	-	40,000,000,000	40,000,000,000

(**) Khoản vay Nguyễn Công Chiến theo hợp đồng 01-2024/HĐV/SCI-NGUYEN CONG CHIEN

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho kì báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Năm 2024					
Tại ngày 01/01/2024	939,973,690,000	821,066,000	8,192,087,059	225,455,127,228	1,174,441,970,287
Tăng vốn trong kỳ trước	51,369,620,000	(162,000,000)	-	(46,974,940,000)	4,232,680,000
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	55,378,307,709	55,378,307,709
Giảm lợi nhuận chưa phân phối năm 2022 theo Quyết toán thuế năm 2022	-	-	-	(127,499,720)	(127,499,720)
Tại ngày 31/12/2024	991,343,310,000	659,066,000	8,192,087,059	233,730,995,217	1,233,925,458,276
Cho kì báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025					
Tại ngày 01/01/2025	991,343,310,000	659,066,000	8,192,087,059	233,730,995,217	1,233,925,458,276
Lãi/lỗ trong kỳ kế toán	-	-	-	19,471,660,661	19,471,660,661
Tại ngày 30/06/2025	991,343,310,000	659,066,000	8,192,087,059	253,202,655,878	1,253,397,118,937
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu					
	30/06/2025	Tỷ lệ %	01/01/2025	Tỷ lệ (%)	
	VND		VND		
Vốn góp của ông Nguyễn Công Hùng	215,705,230,000	21.76%	215,705,230,000	21.76%	
Vốn góp của các cổ đông	775,638,080,000	78.24%	775,638,080,000	78.24%	
	991,343,310,000	100%	991,343,310,000	100.00%	

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kì báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kì báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	991,343,310,000	991,343,310,000
- Vốn góp đầu kỳ kế toán	991,343,310,000	939,973,690,000
- Vốn góp tăng trong kỳ kế toán	-	51,369,620,000
- Vốn góp cuối kỳ kế toán	991,343,310,000	991,343,310,000

d) Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	99,134,331	99,134,331
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	99,134,331	99,134,331
- Cổ phiếu phổ thông	99,134,331	99,134,331
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	99,134,331	99,134,331
- Cổ phiếu phổ thông	99,134,331	99,134,331
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	8,192,087,059	8,192,087,059
	8,192,087,059	8,192,087,059

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	30/06/2025	01/01/2025
Đồng đô la Mỹ (USD)	300,830.47	153,593.30
Đồng Lak	243,201.46	3,951,077.68

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Cho kì báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	483,727,273	950,409,090
Doanh thu hợp đồng xây dựng	549,898,590,726	466,371,840,532
- Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ kế toán	549,898,590,726	466,371,840,532
	550,382,317,999	467,322,249,622

Doanh thu đối với các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32.)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Cho kì báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
	VND	VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	526,429,348,137	431,935,861,167
	526,429,348,137	431,935,861,167

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Cho kì báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	6,998,540	1,097,412,154
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2,148,692,260	38,778,553,510
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	6,895,472,397	15,246,994,867
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán	6,013,996,462	7,076,990,180
	15,065,159,659	62,199,950,711

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kì báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	1,190,136,986	88,767,123
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ kế toán	7,751,826,855	4,327,880,787
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	2,074,500,594	19,184,197,238
Chi phí tài chính khác	23,435	7,567,154
	11,016,487,870	23,608,412,302

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho kì báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	471,253,296	706,306,727
Chi phí nhân công	3,427,169,414	2,801,317,390
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17,997,504	6,250,002
Thuế, phí, lệ phí	192,677,881	448,249,360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,151,420,498	2,450,461,124
Chi phí khác bằng tiền	200,111,913	261,494,256
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	-
	5,460,630,506	6,674,078,859

26 . THU NHẬP KHÁC

	Cho kì báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
	VND	VND
Thu nhập từ tiền điện phục vụ công trình Nam Sam 3, Nậm Mô 2	7,727,472,512	5,251,355,431
Thu nhập khác	1,991,766,963	2,032,224,664
	9,719,239,475	7,283,580,095

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Cho kì báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
	VND	VND
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	193,686,000	193,899,600
Chi phí tiền điện phục vụ công trình Nam Sam 3, Nậm Mô 2	7,727,472,512	5,251,343,888
Chi phí khác	1,991,766,962	3,841,572,070
	9,912,925,474	9,286,815,558

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Cho kì báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22,347,325,146	65,300,612,542
Các khoản điều chỉnh tăng	193,686,000	193,899,600
- Chi phí không hợp lệ	193,686,000	193,899,600
Các khoản điều chỉnh giảm	(8,162,688,722)	(45,855,543,690)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2,148,692,260)	(38,778,553,510)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ kế toán	(6,013,996,462)	(7,076,990,180)
Thu nhập tính thuế TNDN	14,378,322,424	19,638,968,452
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2,875,664,485	3,927,793,690

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Cho kì báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	471,253,296	706,306,727
Chi phí nhân công	3,427,169,414	2,801,317,390
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17,997,504	6,250,002
Chi phí dịch vụ mua ngoài	527,580,768,635	434,386,322,291
Chi phí khác bằng tiền	392,789,794	709,743,616
	531,889,978,643	438,609,940,026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	39,652,143,224	-	10,072,179,237	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	587,138,547,723	-	508,204,317,071	-
Đầu tư ngắn hạn	499,175,581	(408,918,809)	499,175,581	(385,711,659)
Đầu tư dài hạn	30,550,000,000	-	30,550,000,000	-
	657,839,866,528	(408,918,809)	549,325,671,889	(385,711,659)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	40,000,000,000	40,000,000,000
Phải trả người bán, phải trả khác	680,428,001,560	593,924,769,724
Chi phí phải trả	1,521,534,246	331,397,260
	721,949,535,806	634,256,166,984

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	39,652,143,224	-	-	39,652,143,224
Phải thu khách hàng, phải thu khác	586,918,547,723	220,000,000	-	587,138,547,723
Đầu tư ngắn hạn	90,256,772	-	-	90,256,772
Đầu tư dài hạn	-	30,550,000,000	-	30,550,000,000
	626,660,947,719	30,770,000,000	-	657,430,947,719
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10,072,179,237	-	-	10,072,179,237
Phải thu khách hàng, phải thu khác	507,984,317,071	220,000,000	-	508,204,317,071
Đầu tư ngắn hạn	113,463,922	-	-	113,463,922
Đầu tư dài hạn	-	30,550,000,000	-	30,550,000,000
	518,169,960,230	30,770,000,000	-	548,939,960,230

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2025				
Vay và nợ	-	40,000,000,000	-	40,000,000,000
Phải trả người bán, phải trả khác	487,219,612,259	193,208,389,301	-	680,428,001,560
Chi phí phải trả	-	1,521,534,246	-	1,521,534,246
	<u>487,219,612,259</u>	<u>234,729,923,547</u>	<u>-</u>	<u>721,949,535,806</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	-	40,000,000,000	-	40,000,000,000
Phải trả người bán, phải trả khác	593,924,769,724	-	-	593,924,769,724
Chi phí phải trả	-	331,397,260	-	331,397,260
	<u>593,924,769,724</u>	<u>40,331,397,260</u>	<u>-</u>	<u>634,256,166,984</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và sổ dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	Cho kì báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ; Doanh thu tài chính; Thu nhập khác:			
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	616,173,368	731,581,470
Công ty Cổ phần SCI Quảng Trị	Công ty con	34,810,880	-
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	9,551,982,500	7,502,407,715
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	67,737,111,456	2,029,356,248
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	456,470,289,724	430,942,940,112
Góp vốn			
Công ty TNHH SCI Năng Lương	Công ty con	600,000,000	-
Trả gốc tiền vay			
Công ty Cổ phần SCI Nghệ An	Công ty con	-	22,500,000,000
Lãi đi vay vốn			
Công ty Cổ phần SCI Nghệ An	Công ty con	-	88,767,123
Cổ tức, lợi nhuận nhận được			
Công ty Cổ phần SCI Nghệ An	Công ty con	-	36,246,423,910
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	2,148,692,260	2,532,129,600

Sổ dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần SCI Quảng Trị	Công ty con	37,605,750	-
Phải trả người bán			
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	596,867,274,604	568,114,457,879
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Công ty con	64,760,486,186	15,492,420,005
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	188,806,577,858	231,612,474,622
Phải trả khác			
Công ty Cổ phần SCI E&C	Công ty con	8,816,516,910	1,718,305,855

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

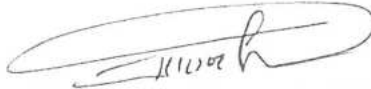
	Cho kì báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc và Hội đồng Quản trị	1,473,179,501	1,652,051,666
Nguyễn Công Hùng	240,000,000	240,000,000
Đoàn Thế Anh	48,000,000	48,000,000
Nguyễn Văn Phúc	593,636,546	551,859,909
Phạm Văn Nghĩa	118,885,227	115,273,546
Nguyễn Văn Độ	163,603,864	356,596,272
Vũ An Minh	165,053,864	196,321,939
Ngô Vũ An	32,000,000	48,000,000
Kim Mạnh Hà	48,000,000	48,000,000
Hoàng Trọng Minh	48,000,000	48,000,000
Nguyễn Anh Huy	16,000,000	-

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng và thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính soát xét riêng đã được soát xét cho kì kế toán 06 tháng đầu năm 2024.



Lê Thị Nhung
Người lập



Phan Dương Mạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Công Hùng
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2025

